

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Tên học phần: *Mỹ học ứng dụng (Applied Art)*

- Mã số học phần: NN515
- Số tín chỉ học phần : 02 tín chỉ
- Số tiết học phần : 20 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành.

### 2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Sinh lý – Sinh hóa
- Khoa: Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng

### 3. Điều kiện tiên quyết: NN515

**4. Mục tiêu của học phần:** Học phần **Mỹ học ứng dụng** dành cho các sinh viên chuyên ngành Công nghệ Rau Hoa Quả và Cảnh quan; Bài giảng đặt trọng tâm cho sinh viên hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản về Mỹ học ứng dụng (ứng dụng cái đẹp vào cuộc sống: Gồm màu sắc và phương pháp sử dụng, bố cục và những nguyên tắc cơ bản của bố cục, phương pháp ký họa cây cỏ, hoa lá, ký họa phong cảnh và cách sắp đặt, bố cục để tạo dựng vườn cảnh, các nguyên tắc phối kết màu sắc của cây xanh và các yếu tố tạo cảnh trong sân vườn...) nhằm giúp sinh viên có khả năng ứng dụng phối hợp màu sắc, bố cục một cách căn bản trong thiết kế cảnh quan, kiến trúc sân vườn.

#### 4.1. Kiến thức:

- 4.1.1. Nắm vững kiến thức về màu sắc, có khả năng phối màu theo đúng nguyên tắc của màu sắc.
- 4.1.2. Biết chọn lọc, ghi chép, ký họa cây cỏ, hoa lá, phong cảnh đẹp... để phục vụ cho việc thiết kế cảnh quan.
- 4.1.3. Nắm vững kiến thức về bố cục, luật phối cảnh để có khả năng thiết kế cảnh quan theo đúng nguyên tắc của bố cục và luật phối cảnh.

#### 4.2. Kỹ năng:

- 4.2.1. Biết được cách chọn màu, pha màu, phối màu phục vụ cho việc thiết kế cảnh quan.
- 4.2.2. Có khả năng bố cục, sắp xếp mảng miếng, không gian... tạo sự hài hoà trong thiết kế sân vườn.

#### 4.3. Thái độ:

- 4.3.1. Mong muốn sinh viên hài lòng với các kiến thức được cung cấp
- 4.3.2. Có khả năng chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của công việc;
- 4.3.3. Có ý thức, trách nhiệm với cộng đồng, có đạo đức, tác phong nghề nghiệp;
- 4.3.4. Thể hiện tốt vai trò trách nhiệm công dân trong xã hội; có thái độ phục vụ tận tụy, đúng đắn...
- 4.3.5. Mong muốn sinh viên hài lòng với phương pháp giảng dạy.

## 5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về những nguyên tắc của màu sắc và phương pháp sử dụng màu sắc; bố cục và những nguyên tắc cơ bản của bố cục (sắp xếp mảng miếng, tạo hình...), phương pháp ký họa cây cỏ, hoa lá, ký họa phong cảnh để làm tư liệu phục vụ cho việc thiết kế; cách sắp đặt, bố cục và các nguyên tắc phối kết màu sắc để tạo dựng vườn cảnh...nhằm giúp sinh viên có khả năng ứng dụng phối hợp màu sắc, bố cục một cách căn bản trong thiết kế cảnh quan, kiến trúc sân vườn.

## 6. Cấu trúc nội dung học phần:

### 6.1. Lý thuyết

|                  | Nội dung   | Số tiết | Mục tiêu     |
|------------------|--|---------|--------------|
| <b>Chương 1.</b> | Mỹ học ứng dụng: Đưa cái đẹp vào cuộc sống –<br>Mỹ thuật: Môn nghệ thuật làm đẹp cuộc sống -<br>Mỹ thuật và Vai trò của Mỹ thuật trong đời sống. |         | 4.1; 4.2     |
| 1.1.             | Giới thiệu chung   | 01      |              |
| 1.2.             | Mỹ thuật và ứng dụng của Mỹ thuật trong đời sống   | 01      |              |
| <b>Chương 2.</b> | Màu sắc – Phương pháp sử dụng màu sắc  |         | 4.1.1; 4.2.1 |
| 2.1.             | Màu sắc và ý nghĩa của màu sắc   | 02      |              |
| 2.2.             | Phương pháp sử dụng màu sắc  | 04      |              |
| <b>Chương 3.</b> | Bố cục – Luật xa gần (hay phối cảnh): Những yếu tố tạo nên 1 tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh  |         | 4.1.3        |
| 3.1.             | Bố cục và phương pháp sử dụng bố cục   | 01      |              |
| 3.2.             | Phương pháp sử dụng bố cục trong thiết kế cảnh quan  | 01      |              |
| 3.3.             | Luật xa gần (hay phối cảnh)  | 02      |              |
| <b>Chương 4.</b> | Các phương pháp ghi chép thực tế   |         | 4.1.2        |
| 4.1.             | Ký họa: Phương pháp vẽ ký họa phong cảnh và vẽ các loại cây  | 01      |              |
| 4.2.             | Ký họa phong cảnh: Phương pháp bố cục và cách chất lọc các chi tiết hợp lý   | 01      |              |
| 4.3.             | Chất liệu và cách sử dụng một số chất liệu (bột màu, chì, bút sắt, màu nước...).   | 02      |              |
| <b>Chương 5.</b> | Cách sắp xếp, tạo hình, phối màu trong thiết kế tiểu cảnh, sân vườn  |         | 4.1.3; 4.2.2 |
| 5.1.             | Thiết kế tiểu cảnh   | 02      |              |
| 5.2.             | Thiết kế sân vườn  | 02      |              |

## 6.2. Thực hành

|  | Nội dung                                | Số tiết | Mục tiêu |
|--|---|---------|----------|
| <b>Bài 1. Màu sắc</b>                          |   |         |          |
| 1.1.   | Vẽ các cặp màu bổ túc                   | 2       |          |
| 1.2.   | Vẽ vòng thuần sắc                       | 5       |          |
| <b>Bài 2. Các phương pháp ghi chép thực tế</b> |   |         |          |
| 2.1.   | Ký họa phong cảnh                       | 2       |          |
| 2.2.   | Ký họa dáng cây                         | 2       |          |
| <b>Bài 3. Thực hiện mô hình</b>                |   |         |          |
| 2.1.   | Thiết kế, thực hiện mô hình             | 5       |          |
| 2.2.   | Chỉnh sửa, phối màu và hoàn tất mô hình | 4       |          |

## 7. Phương pháp giảng dạy:

- Giảng viên tóm tắt kế hoạch và nội dung học tập cho sinh viên nắm rõ kế hoạch.
- Trao đổi kiến thức giữa giảng viên và sinh viên, đặt vấn đề và thảo luận trực tiếp trên lớp cũng như trong thực hành.
- Phương pháp giảng dạy trực quan sinh động, có hình ảnh trình chiếu (hướng dẫn cách vẽ, cách pha màu, kết hợp cho xem mẫu và thực hành).

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và có bài thực hành nộp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thực hiện mô hình kết thúc học phần.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

### 9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

| TT | Điểm thành phần            | Quy định  | Trọng số | Mục tiêu                  |
|----|----------------------------|---|----------|---------------------------|
| 2  | Điểm bài tập               | Số bài tập đã làm/số bài tập được giao                        | 20%      | 4.2.1; 4.2.4; 4.3         |
| 3  | Điểm bài tập nhóm          | - Báo cáo/thuyết minh/...<br>- Được nhóm xác nhận có tham gia | 20%      | 4.2.2; 4.2.5; 4.2.6; 4.3. |
| 4  | Điểm thực hành             | - Kỹ năng, kỹ xảo thực hành/...<br>- Tham gia 100% số giờ     | 10%      | 4.2.7 đến 4.2.10          |
| 5  | Điểm thi kết thúc học phần | - Thực hiện mô hình   | 50%      | 4.1.1 đến 4.1.4; 4.2.1    |

### 9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

#### **10. Tài liệu học tập:**

##### **Thông tin về tài liệu**

##### **Số đăng ký cá biệt**

Đặng Quý Khoa. 1992. Giáo trình bố cục. Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội.

Đỗ Xuân Hải, Bảo Nguyên và Hoàng Phúc. 1999. Vườn cảnh chỉnh trang và nâng cấp. Nxb TP.HCM

Hàn Tất Ngạn. 2000. Nghệ thuật Vườn - Công viên. Nxb Xây dựng. Hà Nội

Uyên Huy. Màu sắc và phương pháp sử dụng. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2014

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG KHOA/GIÁM ĐỐC VIỆN/**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**